**TOÁN - TIẾT 104**

 **BÀI :48 EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?**

**Thứ Bảy, ngày 8 tháng 02 năm 2025**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** Sau bài học, HS có khả năng:

* + HS thực hiện được việc tái hiện một số kiến thức, kĩ năng cơ bản về tính toán, chuyển đổi đơn vị diện tích; nhận biết tính hệ thống của một số kiến thức đã học.
	+ Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản của thực tế cuộc sống liên quan đến hình học và đo lường.
	+ HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm..

**II.ĐỔ DÙNG DẠY HỌC:**

G V: Thẻ từ cho bài Luyện tập 4 (nếu cần).

HS: SHS.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tg** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5p | 1. Hoạt động MỞ ĐẦUa. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức:cá nhân |
|  | GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.GV nêu phép tính nhân nhẩm với 10; 100; 1 000 (thừa số thứ nhất là số có một chữ số). HS thực hiện vào bảng con  Tổ nào có tất cả các bạn làm đúng và nhanh nhất thì thắng cuộc. | -Thực hiện |
| 25p | 2. Hoạt động: Thực hành, luyện tập  |
|  | a. Mục tiêu: Biết đọc, viết sốb. Phương pháp, hình thức tổ chức:Thảo luận, nhóm, cá nhân |
|  | Bài 1:* + HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết: Tính nhẩm.
	+ HS thực hiện (nhóm đôi): Đọc phép tính và nói kết quả cho bạn nghe.
	+ Sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách làm. Ví dụ:

a) 83 × 10 = 830  Viết thêm một chữ số 0 vào bên phải 83 được 830.Bài 2:* + HS tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu:

Số?  Chuyển đổi đơn vị  Nhớ lại quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích.* + HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm bốn.

892 m2 = 892 × 10 000 cm2 = 8 920 000 cm2Viết: 892 m2 = 8 920 000 cm2* 300 000 cm2 = ….? m2

Nói: 10 000 cm2 = 1 m2300 000 cm2 = 300 000 : 10 000 m2 = 30 m2Viết: 300 000 cm2 = 30 m2Bài 3:* + HS nhận biết yêu cầu.

 -GV: Ở bài đặt tính rồi tính cần lưu ý điều gì? Đếm số chữ số 0.Tích riêng thứ hai được viết từ phải sang trái, bắt đầu từ hàng chục. Khi tính luôn lưu ý việc “có nhớ”.* + Có thể vận dụng phương pháp nhóm các mảnh ghép.
* Bước 1: Nhóm lẻ câu a); nhóm chẵn câu b).
* Bước 2: Nhóm chia sẻ  Chia sẻ và cùng nhau kiểm tra lại bài làm.
	+ GV lưu ý luôn nhận xét và chỉnh sửa việc đặt tính và tính. Một vài em trình bày cách làm, cả lớp nhận xét.

Bài 4:* + HS (nhóm bốn) nhận biết yêu cầu, thảo luận các cách thực hiện:

+ Tính giá trị mỗi biểu thức (tìm kết quả mỗi biểu thức).+ Không tính giá trị từng biểu thức mà vận dụng tính chất phép tính Tìm được các biểu thức có giá trị bằng nhau.* + Mỗi HS thực hiện cá nhân theo cách mình chọn rồi chia sẻ nhóm bốn. Cả nhóm thống nhất các cặp biểu thức có giá trị bằng nhau.
	+ Sửa bài, HS thi đua nối các biểu thức có giá trị bằng nhau (trên bảng lớp) và giải thích cách làm.

+ Làm theo cách tính giá trị từng biểu thức:Nhắc lại thứ tự thực hiện các phép tính. Cách nhân nhẩm.+ Không tính giá trị từng biểu thức:GV giúp HS nói cách vận dụng các tính chất phép tính. Chẳng hạn:* A: 5 × 360 × 200

Nói: lấy 5 nhân với 200 được 1 000 (GV: Áp dụng tính chất gì?)1 000 nhân 360 bằng 360 nhân 1 000 (GV: Áp dụng tính chất gì?) Nối A với G.* B: 360 × 54 + 360 × 46

Nói: lấy 360 nhân với tổng của 54 và 46 được 360 nhân 100. (GV: Áp dụng quy tắc một số nhân một tổng.)Nối B với E.* C: 360 × 54 – 360 × 44

Nói: lấy 360 nhân với hiệu của 54 và 44 được 360 nhân 10. (GV: Áp dụng quy tắc một số nhân một hiệu.)Nối C với D.GV giúp HS nhận biết: Nếu thành thạo trong việc sử dụng các tính chất của phép tính thì việcBài 5:* + HS đọc yêu cầu, thực hiện cá nhân rồi chia sẻ nhóm đôi.
	+ Khi sửa bài, HS trình bày cách làm. Đây là bài Tính nên phải trình bày các bước tính.

Các em có thể thực hiện theo các cách khác nhau, tuy nhiên GV giúp HS nhận biết sự thuận tiện của việc sử dụng các tính chất phép tính để đưa về việc tính nhẩm.* Tính chất giao hoán (đổi chỗ).
* Tính chất kết hợp (bắt cặp).

(Đổi chỗ và bắt cặp luôn ưu tiên các kết quả là: 10; 100; 1 000, … Số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, …)* Quy tắc một số nhân một tổng, quy tắc một số nhân một hiệu.
* Các trường hợp tính toán với 0; 1. Ví dụ:

a) 2 × 76 × 500 = 76 × (2 × 500) (tính chất giao hoán, tính chất kết hợp)= 76 × 1 000= 76 000b) 5 × 300 × 800 = (5 × 800) × 300= 4 000 × 300 (nhẩm: 5 × 8 = 40  Thêm 00  4 000)= 1 200 000 (nhẩm: 4 × 3 = 12  Thêm năm chữ số 0)1. 70 × 21 + 30 × 21 = (70 + 30) × 21 (quy tắc một tổng nhân một số)

= 100 × 21= 2 1001. 81 × 28 – 81 × 18 = 81 × (28 –18) (quy tắc một hiệu nhân một số)

= 81 × 10= 810 | -Thảo luận-Thực hiện-Đọc, tìm hiểu-Chia sẻ-Đọc yêu cầu-Thực hiện-Đọc-Thảo luận-Đọc-Làm bài |
| 5p | \* Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:  |
|  | -Vận dụng vào thực tế-NX tiết học |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................